

A TỶ ĐẠT MA CÂU XÁ THÍCH LUẬN

QUYỂN 19

Phẩm 7: **PHÂN BIỆT TUỆ** (PHẦN 1)

Đã nói về các Nhẫn và các trí xong.

Ở đây nói về chánh kiến và chánh trí.

Các Nhẫn là không phải trí và chánh trí không phải là chánh kiến chẳng?

Kệ nói: Nhẫn vô cấu, không phải trí.

Giải thích: Trước đã nói về y tám thứ Nhẫn vô lưu không phải trí. Là nghi hoặc tùy miên phải nên diệt, vì chưa diệt, nên có thể nói các thứ kia được gọi là kiến, quyết định lượng tính, tìm kiếm làm thể tánh. Như Nhẫn chỉ là tánh của kiến, không phải trí như đây.

Kệ nói: Tận, Vô sinh, không phải kiến.

Giải thích: Tận trí, Vô sinh trí không phải là kiến, không phải quyết định lượng tính, tìm kiếm làm tánh.

Kệ nói: Khác với Thánh trí kia, hai.

Giải thích: Khác với Nhẫn và Tận trí, Vô sinh trí. Chỗ còn lại là Bát-nhã vô lưu thì cũng là kiến, cũng trí.

Kệ nói: Còn lại là trí.

Giải thích: Bát-nhã của thế gian, tất cả đều cũng là trí.

Kệ nói: Kiến có sáu thứ.

Giải thích: Năm kiến và chánh kiến của thế gian. Sáu thứ Bát-nhã ở thế gian ấy gọi là kiến cũng là trí. Chỗ còn lại không phải là kiến, chỉ là trí.

Do bao nhiêu số lượng có thể thâm tóm tất cả trí?

Do mười trí. Nếu thâm tóm gồm về mười trí, thì chỉ có hai trí.

Kệ nói: Trí hữu lưu, vô lưu.

Giải thích: Tất cả trí không ngoài hai tánh. Nghĩa là thế gian trí, xuất thế gian trí.

Trong hai trí này, kệ nói: Thứ nhất gọi tục trí.

Giải thích: Trí hữu lưu gọi là trí thế tục. Vì sao? Vì trí này do nhiều duyên loại tục như: bình, áo, nam, nữ v.v... làm cảnh.

Kệ nói:

*Trí vô lưu có hai
Pháp trí và loại trí.*

Giải thích: Vô lưu được chia làm hai trí. Nghĩa là pháp và loại trí. Dùng hai pháp này hợp với trí trước thành ba trí. Nghĩa là: Trí thế tục, pháp trí, loại trí. Trong ấy.

Kệ nói: Tất cả cảnh, tục trí.

Giải thích: Tất cả pháp hữu vi, vô vi, đều là cảnh của tục trí.

Kệ nói: Khổ dục v.v... làm cảnh cho pháp trí.

Giải thích: Pháp trí, nghĩa là ở trong cõi Dục lấy khổ, nguyên nhân của khổ, khổ bị diệt, con đường diệt khổ làm cảnh.

Kệ nói: Khổ loại trí dùng các khổ v.v... ở trên làm cảnh.

Giải thích: Loại trí: Ở trong cõi Sắc, Vô sắc, dùng khổ, khổ tập, khổ diệt, sự diệt khổ làm cảnh.

Kệ nói:

*Hai thứ do để nên khác
Do đó tạo thành bốn thứ.*

Giải thích: Pháp trí, loại trí do vì để có khác biệt, nên trở thành bốn trí. Nghĩa là khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, do duyên nơi bốn đế khởi.

Kệ nói:

*Bốn lại hai, gọi là
Tận trí, Vô sinh trí.*

Pháp trí, loại trí do cảnh đã thành bốn thứ. Ở trong nếu chẳng phải là bậc Vô học, thì lấy chánh kiến làm tánh, gọi là Tận trí, Vô sinh trí.

Kệ viết:

*Trí này lại mới sinh
Tánh trí khổ, tập, loại.*

Giải thích: Hai trí này, nếu mới sinh, gọi là Tận trí. Vô sinh trí lấy trí khổ, tập loại làm tánh. Do khổ, tập, đều có bốn hành tướng nên duyên ấm của trời Hữu đánh làm cảnh giới.

Tam-ma-đề Kim cang, có đồng với cảnh của hai đối tượng được duyên này không? Nếu Tam-ma-đề Kim cang duyên nơi khổ, tập làm cảnh, thì cảnh sẽ đồng với hai trí. Nếu duyên nơi diệt, đạo làm cảnh thì sẽ không đồng với hai trí.

Kệ nói: Từ bốn tha tâm trí.

Giải thích: Tha tâm trí từ bốn trí thành. Nghĩa là từ trí thế tục, trí pháp, loại, đạo. Tha tâm trí này lại cần phải phán quyết.

Kệ nói: Trên người, vượt căn địa.

Giải thích: Nếu vượt qua tâm địa thì địa dưới không thể biết địa trên. Nghĩa là tâm định của địa dưới không thể biết tâm định của địa trên. Nếu vượt qua căn thì căn yếu kém, không thể biết được địa trên. Nghĩa là người đạt tìn, lạc và đạo của người thời giải thoát chẳng thể biết được người đạt được kiến chí và đạo của người phi thời giải thoát. Nếu vượt qua con người, thì người của địa dưới không thể biết tâm của người ở địa trên, tức là A-na-hàm, A-la-hán, Thanh văn, Độc giác, Phật đạo nên nói bậc dưới không biết bậc trên.

Kệ nói: Diệt chưa sinh không biết.

Giải thích: Nếu tâm của người khác nơi quá khứ, vị lai, thì tha tâm trí sẽ không thể biết, vì tâm của người khác nơi hiện tại là cảnh giới lại có cái gì không phải là đối tượng nhận biết.

Kệ nói: Pháp, loại cùng không biết.

Giải thích: Tha tâm trí của chủng tánh nơi pháp trí đều không thể biết tha tâm nơi chủng tánh của loại trí. Tha tâm trí của chủng tánh nơi loại trí không thể biết tâm người khác của chủng tánh pháp trí. Vì sao? Vì hai tâm này đều lấy đối trị nơi vượt trên cõi Dục làm cảnh giới. Ở trong quả vị kiến, không có tha tâm trí thông. Do thì giờ cấp bách, nên ở quả vị kiến được làm cảnh của Tha tâm trí. Trong ấy, nếu người do tha tâm trí muốn biết tâm của kiến đạo, thì trước hết phải tạo ra gia hạnh xong.

Kệ nói:

*Hai niệm đầu bậc kiến
Thanh văn, Dự Tê, hai
Phật tự nhiên biết đủ.*

Giải thích: Nếu Thanh văn tu tha tâm trí, muốn biết tâm người khác trong kiến đạo thì biết được tâm của hai sát-na trước. Nghĩa là pháp trí và Nhân pháp trí, biết cảnh nơi chủng tánh của loại trí, vì do gia hạnh riêng được thành. Thời điểm này, ở trong đó, tu theo phương tiện của tha tâm trí kia. Người tu quán này đã vượt qua đến tâm thứ mười sáu, ở trung gian không thể biết được. Nếu Tê giác dụ cho hiểu biết, thì muốn biết tâm người khác trong kiến đạo. Biết được tâm của ba sát-na, nghĩa là hai tâm trước và tâm của tập loại trí thứ tám. Do gia hạnh yếu kém nên sư khác nói: Biết về tâm thứ nhất, thứ hai, tâm thứ mười lăm.

Phật, Thế Tôn biết tất cả tâm nơi sát-na của kiến đạo, không do tâm gia hạnh biết, chỉ do tâm tự tánh biết.

Lại nữa, Tận trí, Vô sinh trí, hai trí này có gì khác biệt?

Kệ nói:

*Tận trí nơi bốn đế
Đã biết cùng quyết biết
Không lại nên biết thấy
Gọi là Vô sinh trí.*

Giải thích: Tạng A-tỳ-đạt-ma nói: Sao gọi là Tận trí? Khổ đế ta đã biết, chán, tập đế ta đã đoạn trừ, diệt đế ta đã chứng đắc, đạo đế ta đã tu tập. Do nghĩa này là tri kiến sáng suốt, tuệ hiểu biết rõ nên trước hết là chính thức đối chiếu với quán, đây gọi là Tận trí.

Sao gọi là Vô sinh trí?

Khổ đế, ta đã biết, chán, chẳng trở lại biết chán. Cho đến đạo đế ta đã tu tập, không tu tập nữa. Do nghĩa này là biết, cho đến chính thức đối chiếu với quán, đây gọi là Vô sinh trí.

Thế nào là do trí vô lưu biết được như đây?

Do trí vô lưu, hậu đắc trí phát ra, quán xong nên biết được như thế.

Vì do hậu đắc trí có khác biệt, nên lập Tận Vô sinh trí trí có khác biệt.

Sư A-tỳ-đạt-ma nước Kế Tân thuyết minh như thế này: Có sư khác nói: Do trí vô lưu nên biết được nghĩa này. Nói tận, Vô sinh trí là kiến, vì dùng tất cả tên gọi để giải thích nghĩa này. Lại nữa, do trí chứng làm tánh, nên gọi là kiến. Thế nên, trong Tạng A-tỳ-đạt-ma nói: Nếu pháp là trí, tức pháp này là kiến.

Lại nữa, vì nhằm làm rõ kiến đã nói hiện nay khác với kiến đã nói trước kia. Như ở đây gọi là mười trí, tức là: Pháp trí, loại trí, trí thế tục, tha tâm trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, Tận trí và Vô sinh trí. Trong đó, trí thế tục là một trí, phần một của trí, pháp trí là một trí, một phần của bảy trí, loại trí cũng vậy. Khổ đế là một trí, một phần của bốn trí. Tập trí, diệt trí cũng vậy. Đạo trí là một trí, một phần của bốn trí. Tận trí là một trí, một phần của sáu trí. Vô sinh trí cũng vậy.

Thế nào là trí chỉ có ba thứ lại an lập là mười thứ?

Kệ nói:

*Do đối trị tự tánh
Hành tướng, cảnh hành tướng
Gia hạnh, việc làm xong
Nhân tròn nên nói mười.*

Giải thích: Thuyết kia nói: Do bảy thứ nhân duyên, nên an lập trí

thành mười thứ:

Do tự tánh, nên an lập trí thế tục, không phải có thể biết về nghĩa chân thật.

Do đối trị, nên an lập hai trí: Pháp trí, loại trí, vì có thể đối trị là cõi trên của cõi Dục.

Do đối tượng được duyên cùng khác nên an lập hai trí khổ, tập chứ không do thể của cảnh giới khác.

Do tướng của đối tượng được duyên và thể của cảnh giới dị biệt, nên an lập hai trí diệt, đạo.

Do gia hạnh khác, nên an lập tha tâm trí. Vì sao? Vì pháp của tha tâm trí này không phải là đối tượng được nhận biết. Vì chỉ muốn biết tâm của người khác, nên người tu gia hạnh được tha tâm trí.

Do công việc làm đã xong, nên an lập Tận trí, do sự việc đã hoàn tất và chỗ nối tiếp của con người mới sinh.

Do nhân duyên viên mãn, nên an lập Vô sinh trí. Vì dùng tất cả các pháp vô lưu làm nhân và vì đối trị đủ tất cả ba cõi, nên trước kia đã nói Pháp trí chỉ có thể đối trị nơi cõi Dục. Lại nữa, kệ nói:

*Trí pháp nơi diệt đế
Và tu đạo, đạo đế
Là đối trị ba cõi.*

Giải thích: Trí của hai pháp diệt, đạo, nếu thuộc về tu đạo, thì sẽ có thể đối trị ba cõi.

Kệ nói:

*Loại trí thì không phải
Đối trị nơi cõi Dục.*

Giải thích: Loại trí hoàn toàn không thể đối trị, nơi cõi Dục. Vì trí này khác với hai thứ, nên nói đối trị đủ.

Trong mười trí này, có bao nhiêu trí hành tướng? Lại có bao nhiêu hành tướng?

Kệ nói:

*Pháp trí và loại trí
Có mười sáu hành tướng.*

Giải thích: Hai trí này, mỗi một trí đủ mười sáu hành tướng (hành tướng này về sau sẽ nói).

Kệ nói: Tục trí như chẳng như.

Giải thích: Trí thế tục có mười sáu hành tướng, có tướng riêng, có thể duyên nơi tất cả pháp, là tướng chung, tướng riêng.

Kệ nói: Do tướng tự đế bốn.

Giải thích: Trí khỗ, tập, diệt, đạo, do duyên nơi hành tướng của tự đế nên dấy khởi, nên mỗi mỗi thứ đều có bốn hành tướng.

Kệ nói:

*Tha tâm trí cũng vậy
Không có các cấu nhiễm.*

Giải thích: Tha tâm trí vô lưu cũng như vậy. Vì do duyên nơi hành tướng của tự đế, nên cũng trở thành bốn hành tướng. Vì chỉ là đạo trí.

Kệ nói: Lại có các cấu uế, như nên biết tự tướng.

Giải thích: Nếu tha tâm trí hữu lưu, là tự chỗ nên biết về tâm và tâm pháp. Như thật tướng của tâm, tâm pháp kia thì tự tướng cũng vậy. Vì có thể nhận lấy tướng riêng làm cảnh, nên có hai thứ này.

Kệ nói: Duyên một vật làm cảnh.

Giải thích: Vào thời điểm này, nếu duyên nơi tâm làm cảnh, thì sẽ không thể duyên nơi tâm pháp làm cảnh. Như vậy, nếu đã duyên nơi thọ thì không thể duyên nơi tưởng.

Như vậy, sao Phật, Thế Tôn nói: Nếu tâm có dục, thì có thể biết như thật là tâm này có dục. Tâm và tâm pháp như thế v.v... không được nhận lấy cùng một lúc. Ví dụ như áo và chiếc áo nhơ, không phải nhận lấy trong cùng một thời điểm.

Tâm có dục: có dục gồm hai thứ:

Có dục cùng xen tạp.

Có dục tương ứng.

Trong ấy, nếu tâm với dục xen tạp nhau, thì sẽ do hai nghĩa có dục. Nếu khác nhau, thì tâm hữu lưu ấy sẽ do nghĩa tương ứng. Thế nên có dục.

Trong kinh này đã nói có dục tại cõi Dục tương ứng. Nếu đối trị nơi dục gọi là không có dục.

Sư khác nói cũng như thế: Vì sao? Vì nếu tương ứng với dục gọi là không có dục thì tại sao xen tạp với hoặc riêng và lẽ ra như vậy cũng thành không có dục!

Nghĩa này không hợp lý. Vì sao? Vì tâm này không phải đối trị nơi dục, thành thử nếu không có tâm nhiễm ô thì không phải là có dục, không phải là không có dục, chẳng phải trở thành không có dục như đây v.v... Thế nên, tâm tương ứng với dục, trong đây gọi là có dục. Cho đến có si, không có si v.v..., nên biết cũng vậy.

Tâm giản lược là tâm thiện, vì do cảnh giới ít. Tâm tán: Là tâm nhiễm ô, tương ứng với tán loạn. Lại nữa, tâm giản lược tương ứng với thùy miên. Tâm tán: Tâm có nhiễm ô với các phần khác.

Các sư nước Tây Vực nói như thế này: Sư Tỳ-bà-sa không thừa nhận tạo ra thuyết ấy. Thuyết kia nói: Một tâm cũng giản lược, cũng phân tán, vì tương ứng với thù miên nhiễm ô.

Nếu vậy, thì sẽ mâu thuẫn với Tạng A-tỳ-đạt-ma. Vì tạng kia nói: Nếu biết như thật về tâm giản lược, thì trí này trở thành bốn trí. Nghĩa là pháp trí, loại trí, trí thế tục và đạo trí.

Tâm thấp kém: Là tâm nhiễm ô, vì tương ứng với sự lười biếng, trễ nải. Tâm thù thắng hơn hết, là tâm thiện, vì tương ứng với tinh tiến. Tâm hành nhỏ, là tâm nhiễm ô, hoặc bị đối trị do phẩm thiện tịnh nhỏ. Tâm hành lớn, trái với tâm trước. Vì do loại, bạn nơi giá trị của căn, tùy theo công sức nhiều, ít. Vì sao? Vì nếu có tâm nhiễm ô, sẽ tương ứng với hai căn. Nếu tâm thiện, sẽ tương ứng với ba thiện căn. Nếu là tâm nhiễm ô, sẽ có giá trị ít, vì do dụng công tạo thành. Nếu là tâm thiện, sẽ có giá trị lớn, vì do nhiều công dụng tạo nên. Nếu tâm nhiễm ô, sẽ không có tu đồng loại ở vị lai, vì không có nhiều loại bạn. Nếu là tâm thiện, sẽ có tu đồng loại ở quá khứ, vị lai do có nhiều loại bạn. Nếu là tâm nhiễm ô, tất nhiên ít tùy tùng, vì bị ba ấm theo đuổi. Nếu là tâm thiện, sẽ có nhiều tùy tùng, vì tùy tùng với bốn ấm. Tâm nhiễm ô với sức ít, vì nó đã đoạn thiện căn lại nối tiếp nhau. Tâm thiện với công sức nhiều, do pháp khổ của một sát-na, trí Nhẫn sinh, có công năng diệt trừ mười hoặc, khiến vĩnh viễn không sinh. Thế nên, tâm có nhiễm ô, nói là nhỏ. Tâm thiện, gọi là lớn.

Tâm động là tâm nhiễm ô, vì tương ứng với trạo cử để dấy khởi. Tâm không động là tâm thiện, vì có công năng đối trị nơi trạo cử kia. Tâm không phải tĩnh lặng, tâm vắng lặng cũng vậy. Không phải tâm định là tâm nhiễm ô, vì tương ứng với tán loạn. Tâm định là tâm thiện, vì có công năng đối trị với tán loạn kia. Không phải tâm tu là tâm nhiễm ô. Vì không phải là do tu mà sinh và chỗ tu tập các sự việc. Tâm tu là tâm thiện, vì là chỗ tu của hai pháp tu: Sinh tu, sự tu. Không phải tâm giải thoát, là tâm nhiễm ô. Do không phải là đối tượng được giải thoát của giải thoát tự tánh, giải thoát nối tiếp nhau. Tâm giải thoát là tâm thiện. Vì chỗ giải thoát của hai thứ giải thoát.

Sư Tỳ-bà-sa nói như thế này: Nếu tạo ra sự giải thích ấy thì sẽ không tùy thuận nơi kinh, cũng không thể giải thích nghĩa khác biệt của câu văn như đây.

Không tùy thuận nơi kinh là sao?

Như kinh nói: Thế nào là tâm ở bên trong trở thành giản lược? Nếu tâm tương ứng với các phiền não yếu kém, hoặc tương ứng với

sự thâm tóm gìn giữ ở nội tại, thì sẽ không tương ứng với Tỳ-bát-xá-na (Quán).

Thế nào là tâm ở bên ngoài trở thành phân tán?

Nếu tâm ở nơi trần của năm dục, thì sẽ điên đảo, tán loạn, giống ruồi dao động, nên phần trước đã không nói rồi sao.

Tâm này cũng giản lược, cũng phân tán, đã nói là không hợp lý. Nói tâm nhiệm ô tương ứng với thù miên, không lập là phân tán, trước kia đã không nói ư, hay là mâu thuẫn với Tạng A-tỳ-đạt-ma?

Mâu thuẫn với Tạng A-tỳ-đạt-ma, điều này cũng có thể hợp lý, chỉ đừng mâu thuẫn với kinh.

Vì sao không thể giải thích nghĩa khác biệt của câu văn?

Vì không nói về phân tán, thấp kém, dao động, không tĩnh lặng, không quyết định, chẳng phải tu, chẳng phải là nghĩa khác biệt của tâm giải thoát. Giản lược, trội hơn v.v... ở trên cũng vậy. Nếu không phải đã không nói về nghĩa khác biệt của các câu văn thì đồng là tâm nhiệm ô. Do chỉ rõ sự khác biệt của lỗi lầm kia, nên cùng là tâm thiện, do làm sáng tỏ sự khác biệt của công đức kia.

Vì thế, sự khác biệt về nghĩa nơi câu văn kia đã nói không bào chữa sự mâu thuẫn của kinh, nên đây là nghĩa đã nói, không phải nghĩa của câu văn. Nếu ở trong kinh thừa nhận tâm này là thấp kém, thì tâm tức là tâm động. Sự giải thoát của ông có thể hợp lý. Nhưng kinh không nói rõ nghĩa này. Kinh nói: Bấy giờ, nếu tâm thấp kém, hoặc dục nghi thấp kém, thì trong thời điểm này, khinh an, Tam-ma-đề xả phần giác, không phải là thời điểm tu tập. Lúc ấy, nếu tâm giống ruồi, dao động, hoặc hoài nghi muốn giống ruồi, dao động thì trạch pháp, tinh tiến, hỷ nơi phần giác, không phải là thời gian tu, do các phần giác có tâm phân tán sự tu tập không tư duy, xét lường.

Nơi thuyết kia, ở đây gọi là tu. Vì do công năng khiến hiện tiền, thế nên, không có lỗi. Trong ấy, nếu tâm do lưỡi biếng, chểnh mảng trội hơn, gọi là thấp kém. Nếu tâm do trạo cử khởi trội hơn, gọi là giống ruồi, dao động. Thế nên, không có lỗi lầm. Các pháp như vậy v.v... hoặc vì cùng phát sinh. Thế nên chúng ta nói: Nếu tâm thấp kém, tức sẽ Có sự dao động giống ruồi. Lời nói này tương ứng với mật ý của Phật: Ta cũng không ngăn cấm. Vì ý ở trong kinh thì không như vậy, nên ta nói như thế, là thuyết mà ông đã nói thuyết ấy là: Tâm tương ứng với tất cả dục, gọi là có dục. Vậy, tâm nào tương ứng với dục? Nếu ông nói: Vì tương ứng với chí đắc của cõi Dục, nên nói là tương ứng với dục, thì tâm vô lưu lẽ ra trở thành có dục, nghĩa là tâm Hữu học. Nếu nói duyên

dục làm cảnh giới gọi là có dục. Tâm A-la-hán lẽ ra cũng có dục. Vì sao? Vì tâm này có lúc duyên nơi tâm hữu lưu, phân biệt có dục. Vì do duyên nơi dục làm cảnh giới, nên tâm này làm sao trở thành hữu lưu? Nếu ông nói vì duyên hoặc chung làm cảnh giới, nên nói có dục. Nếu vậy thì tâm này chỉ có si, không phải là có dục. Do duyên si làm cảnh giới, nên duyên tâm người khác làm cảnh giới của tâm không duyên nơi chí đặc làm cảnh giới, thì không phải cảnh giới của tâm này là duyên nơi dục. Thế nên, không do tương ứng với dục, nên tâm có dục, trong đây nên biết.

Nếu vậy, tâm có dục là thế nào?

Cùng với dục xen tạp, lẫn lộn gọi là có dục. Không xen tạp với dục, gọi là không có dục. Nhận thấy ý kinh như đây. Trong kinh khác, đã nói là tâm con người không có dục, không có giận, không có si, không xoay chuyển lại làm pháp. Nương tựa nơi dục v.v... ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. Vì chí đặc diệt, nên nói văn này.

Nếu vậy thì ở trước kia đã không nói ư?

Nếu tâm với hoặc riêng xen tạp nhau, vì do chỉ không xen tạp với dục lẽ ra sẽ trở thành không có dục. Do ý kinh này thì không lỗi lầm. Không được nhận lấy tâm này là không có dục.

Thế nào là không nhận lấy?

Do kinh đã nói: Tâm này có giận, có si v.v..., nên chớ lại biện luận rộng. Nên nói tất đàn gốc vì nhận lấy hành tướng tha tâm, hay vì nhận lấy cảnh nơi đối tượng duyên của tha tâm? Không nhận lấy hai thứ này làm cảnh, không quán cảnh nơi hành tướng khởi, nên chỉ biết tâm này có dục, không thể biết cảnh của sắc v.v... là chỗ sinh khởi dục của tâm.

Nếu không như vậy thì tâm này duyên nơi sắc v.v... làm cảnh giới. Hoặc nhận lấy tâm người khác duyên nơi sắc v.v... làm cảnh giới, thì tha tâm trí phải nên nhận lấy tự tánh. Tất cả tha tâm trí nhận biết về tướng riêng của vật. Nghĩa là tâm và tâm pháp, sự nối tiếp nhau của người khác nơi hiện đời, chỗ tương ứng, không tương ứng của cõi Dục, Sắc làm cảnh giới. Ở quả vị kiến đạo bị ngăn chận, ở trong quả vị tu đạo thì đạt được chẳng phải là pháp tương ứng của không, vô tướng, tức chỗ thấu tóm của Tận trí, Vô sinh trí, là chỗ ngăn chận của đạo vô gián. Nghĩa này nên biết.

Đã nói về tha tâm trí xong.

Kệ nói:

Hai sau mười bốn tướng

Chỗ lẫn lộn nơi không, vô ngã.

Giải thích: Hai sau, nghĩa là Tận trí và Vô sinh trí. Hành tướng của hai trí này có mười bốn thứ. Là hai hành tướng là không, vô ngã. Hai hành tướng này dù duyên nơi chân như, nhưng phần nhiều đều duyên nơi hư giả mà biết. Sự sinh của ta đã hết, ta không thấy từ đây về sau, lại tiếp nhận hữu nữa. Vì do sức của trí trong quán, nên xuất quán, nói lời như đây: Vì có tâm của hành tướng riêng hay là không có? Nếu căn cứ nơi sư nước Kế Tân nói kệ:

Và vì không có tịnh

Xuất mười sáu hành tướng.

Giải thích: Thuyết kia nói: Không có hành tướng vô lưu, phát ra bốn đế, mười sáu hành tướng nơi tâm.

Kệ nói: Sư khác nói là có.

Giải thích: Sư nước Tây Trúc nói: Trong Tạng A-tỳ-đạt-ma nói: Khác với mười sáu tâm, có riêng tâm vô lưu.

Làm sao biết được?

Tạng kia nói: Nếu tâm bất tương ứng thì được biết pháp tương ứng với cõi Dục hay không được biết? Do vô thường, khổ, Không, vô ngã. Hoặc do nhân tập có duyên được biết. Hoặc có lý này, có nghĩa này, vì do tương ứng với đạo lý nên biết được? Hay không có lý này, không có nghĩa này, vì do không tương ứng với đạo lý, nên biết được? Lối chấp không phải là nghĩa của tạng kia, nghĩa là có lý ấy, có nghĩa ấy, vì do tương ứng với đạo lý, nên biết được v.v... là nghĩa nơi tạng kia. Nghĩa này không hợp lý. Vì sao? Vì ở trong văn khác không nói nghĩa ấy.

Lối chấp như đây, nếu là nghĩa nơi tạng kia, thì câu văn này ở chỗ khác, cũng nhất định nên nói. Tạng kia nói: Do tâm là đối tượng được diệt của kiến đế.

Vậy biết pháp tương ứng với cõi Dục không?

Biết được, do ngã do ngã sở, do đoạn, do thường, do không nhân của hữu, do không Có sự, do không phải bác bỏ, do vượt trội hơn, do không bằng nhau, do đạt đến, do tịnh, do giải thoát, do xuất ly, do không quyết định, do hai tâm, do nghi, do tham ái, do giận dữ, do kiêu mạn, do không hiểu rõ. Do tương ứng với các thứ phi lý như thế v.v... nên biết được. Nếu vì tóm kết phần trước thì trong câu văn này nên nói như trước. Nghĩa là có lý này, có nghĩa này v.v... do đó biết không phải là nghĩa ấy. Mười sáu hành tướng của bốn đế, vì do danh và vật thật mà có mười sáu thứ này.

Sư khác nói: Do vật thật thì chỉ có bảy thứ. Do danh nên có mười

sáu thứ. Hành tướng của tập, diệt, đạo đều được hiển bày cùng một vật.

Sư Tỳ-bà-sa nói: Không phải như vậy. Thuyết kia nói thế nào?

Kệ nói: Vật thật mười sáu thứ.

Giải thích: Trong đây, vì tùy thuộc nơi duyên, nên vô thường. Vì lấy sự bức nã làm tánh, nên khổ. Vì đối trị chỗ chấp của ngã nên không. Vì đối trị ngã kiến, nên không phải ngã. Vì đồng với lý của đạo pháp nơi chủng tử, nên là nhân. Vì hòa hợp do hiện hành, được hiển bày, nên là tập. Vì sự sinh đã rõ, có tương ứng có thể thành tựu, nên là duyên. Thí dụ như đồng đất sét với các tụ tập: cây cọc, bánh xe, dây, nước v.v..., nên có thể thành kết quả là chiếc bình v.v... Pháp này cũng vậy. Vì các ấm đoạn tuyệt nên diệt. Vì công năng diệt trừ ba thứ lửa, nên tĩnh. Vì không có tai họa trái ngang, nên diệu. Vì vượt ngoài tất cả lỗi lầm, nên viển ly. Vì do nghĩa đi, nên là con đường. Vì tương ứng với lý, nên Như. Vì chính thức đã thành tựu, nên là hạnh. Vì hoàn toàn vượt qua, nên là xuất.

Lại nữa, vì hoàn toàn không nhất định, nên vô thường. Vì gánh vác nặng, nên khổ. Vì do con người đã ly khai, nên không. Vì không như ý tạo tác, nên không phải ngã. Vì nghĩa đến, nên là nhân. Vì sinh khởi, nên là tập. Vì tương ứng với hành, nên hữu. Vì nương tựa nơi chỗ trội hơn, nên là duyên. Vì không có tương ứng, tương ứng với đoạn, nên diệt. Vì ba tướng hữu vi đã lìa, nên là tĩnh. Vì thiện, chân thật, nên diệu. Vì ngừng dứt cực, nên viển ly. Vì năng lực đối trị với tà đạo, nên là đạo. Vì có thể đối trị nơi không như, nên là như. Vì hướng thuận với cảnh giới Niết-bàn, nên là hạnh.

Như những pháp mà ngã đã tín, thọ, nay sẽ nói. Vì sinh diệt là pháp, nên vô thường. Vì trái với ý, nên khổ. Vì là chỗ lìa của ngã, nên không. Vì tự là phi ngã, nên không phải ngã. Nhân tập nên có duyên. Như trong kinh nói: Năm thủ ấm ấy nương tựa nơi dục là căn, dựa vào dục là tập. Nương ở dục là sinh, dựa vào dục là hữu. Tên gọi hữu là nói ở đời sau.

Bốn sự nương tựa này đối với dục có gì khác biệt?

Ái dục có bốn thứ: Đối với tự thể, gọi là ái dục của ngã khởi, gọi là ái dục của tự thể không sai biệt. Nghĩa là ta nên sanh, gọi là không sai biệt. Ái dục của hữu sau, nghĩa là ta nên sanh như vậy, như vậy gọi là có sai biệt. Ái dục của hữu sau của kết sinh gọi là ái dục của thọ sinh.

Trong ấy, thứ nhất là khổ, nhân đầu tiên giống như căn. Ví như hạt

giống đối với quả nên gọi là nhân. Thứ hai, do trước đó đã dẫn phát. Thí dụ như quả, vì đầu tiên, phát ra mầm v.v..., nên gọi là tập.

Thứ ba là duyên của khổ nơi chủng loại như đây. Ví như đối với quả, ruộng, nước, đất v.v... làm duyên. Vì sao? Vì tùy thuộc ở duyên như ruộng v.v..., sức của hương, vị ở trong quả đã thành thực với sự khác biệt của oai đức đã được trọn, nên gọi là duyên.

Thứ tư, tức là sinh. Vì từ sự sinh này mà thành. Ví như đối với quả, là chung cuộc của hoa, nên gọi là hữu ở nơi hành của ái dục. Trong kinh nói: Có hai mươi lăm, hai mươi bốn hữu, bốn dục. Vì sự sinh khởi đã hết, nên diệt. Vì không có khổ nên tĩnh lặng. Như kinh nói: Tỳ-kheo! Các hành như thế đều khổ, chỉ có Niết-bàn là tĩnh lặng. Vì vô thường nên diệt, vì không xoay trở lại, nên lìa. Vì do trở thành con đường, nên là đạo. Vì sinh khởi như thật, nên như. Vì quyết định thanh tịnh nên là hạnh.

Như kệ nói:

*Chỉ đạo này rất ráo
Có thể thanh tịnh kiến
Phá hẳn hữu nên xuất.*

Lại nữa, vì đối trị với hành của ngã kiến, ngã sở về thường, lạc nên tu các hành tướng: vô thường, khổ, không, vô ngã. Vì đối trị với hành của kiến chấp không nhân của hữu, một nhân, nhân chuyển biến, biết nhân trước, nên tu tập các hành tướng nhân, có tập khởi của nhân, có duyên. Vì đối trị với hành của chuyển biến không có giải thoát, nên tu hành tướng diệt. Vì đối trị với hành của kiến chấp cho giải thoát là khổ, nên tu hành tướng tĩnh. Vì đối trị với hành của kiến chấp ở định, khởi sự tốt đẹp, nên tu hành tướng.điều. Vì đối trị với hành của kiến chấp do thường xuyên lùi lại, cho giải thoát không phải là định tột cùng, nên tu hành tướng lìa. Vì đối trị với hành của kiến chấp về không có đạo, tà đạo, các thứ đạo khác lại xoay chuyển nên tu hành tướng đạo như hành xuất ly.

Hành tướng là pháp gì?

Kệ nói: Hành tướng là trí tuệ.

Giải thích: Nếu vậy thì hành tướng không thành trí tuệ, vì trí vì trí tuệ không tương ứng với tuệ riêng. Nếu chấp nhận như đây, thì sẽ hợp với đạo lý. Nghĩa là tất cả tâm và tâm pháp, ở trong cảnh giới nhận lấy sự khác biệt gọi là hành tướng.

Có phải chỉ trí tuệ mới có thể nhận lấy cảnh sai biệt không ư?

Không phải.

Thế là thế nào?

Kệ nói: Cùng với pháp duyên nơi cảnh.

Giải thích: Bát-nhã và tất cả pháp có cảnh giới, đều có thể nhận lấy cảnh sai biệt.

Kệ nói: Đối tượng được nhận lấy có riêng pháp.

Giải thích: Nếu pháp là có tất cả, thì nhất định chọn lấy đối tượng được nhận lấy khác biệt. Nếu chấp nhận như vậy thì nghĩa này sẽ thành trí tuệ, là hành tướng. Lại do nhận lấy sự khác biệt nên có thể quán pháp có. Lại là đối tượng được quán của các pháp khác. Pháp khác là pháp có cảnh giới do nhận lấy sự khác biệt, nên là chủ thể quán pháp có. Lại, là đối tượng được quán của các pháp khác. Nếu không có pháp của cảnh giới thì chỉ là nhận lấy đối tượng được quán khác biệt.

Từ đây về sau là mười thứ trí. Nay sẽ nói sự khác biệt về thiện v.v...

Kệ nói: Trí đầu ba thiện khác.

Giải thích: Là một trí đầu, tức trí thế tục. Vì được nêu lên trước hết, nên gọi là đầu. Trí này có ba tánh. Nghĩa là thiện, ác, vô ký. Chín trí khác chỉ là tánh thiện.

Kệ nói: Trí này chung các địa.

Giải thích: Tất cả các địa, nghĩa là từ cõi Dục cho đến trời Hữu đảnh.

Kệ nói: Pháp trí nơi sáu địa.

Giải thích: Pháp trí đối với bốn định và chưa đạt đến, còn định trung gian thì đạt được.

Kệ nói: Loại, chín địa.

Giải thích: Loại trí, đối với sáu địa trước và chỗ chứng đắc của ba Vô sắc.

Kệ nói: Lại, sáu trí.

Giải thích: Khổ, tập, diệt, đạo, tận, Vô sinh là sáu trí. Nếu biện luận chung thì cũng là chỗ đạt được ở chín địa. Nếu biện luận riêng thì thuộc về pháp trí, tức sẽ đạt được ở sáu địa. Nếu thuộc về loại trí, thì ở nơi chín địa đạt được.

Kệ nói: Tha tâm trí, bốn định.

Giải thích: Tha tâm trí chỉ ở bốn định đạt được, chẳng phải ở xứ khác.

Kệ nói: Thân nương dựa dục, sắc.

Giải thích: Tha tâm trí này là do tu tập đạt được ở cõi Dục, Sắc, khiến luôn hiện tiền.

Kệ nói: Pháp trí dựa thân cõi Dục.

Giải thích: Pháp trí chỉ dựa vào thân nơi cõi Dục để hiện tiền, không phải thân ở cõi Sắc, Vô sắc có thể khiến hiện tiền.

Kệ nói: Trí khác dựa vào ba cõi.

Giải thích: Những gì là trí khác? Trừ tha tâm trí và pháp trí, là tám trí còn lại. Phân biệt về các địa trí và chỗ dựa xong. Dùng bốn niệm xứ để thấu tóm các trí, nay sẽ nói.

Kệ nói: Niệm xứ, một diệt trí.

Giải thích: Tức một diệt trí này gọi là pháp niệm xứ.

Kệ nói: Tha tâm trí, ba niệm.

Giải thích: Nếu tha tâm trí duyên nơi tâm người khác để dấy khởi, nhất định sẽ duyên nơi thọ, tưởng, hành, thức.

Kệ nói: Bốn niệm xứ còn lại.

Giải thích: Trừ diệt trí, tha tâm trí, tám trí còn lại thấu tóm chung nơi bốn niệm xứ.

Trí nào? Có bao nhiêu trí làm cảnh của đối tượng được duyên?

Kệ nói: Cảnh pháp trí, chín trí.

Giải thích: Pháp trí duyên nơi chín trí làm cảnh, trừ loại trí.

Kệ nói: Cảnh đạo trí, chín.

Giải thích: Loại trí cũng duyên nơi chín trí làm cảnh, trừ pháp trí. Đạo trí cũng duyên nơi chín trí làm cảnh, trừ trí thế tục.

Kệ nói: Cảnh khổ, tập trí, hai.

Giải thích: Trí thế tục, hoặc tha tâm trí là hữu lưu, thì hai trí này là cảnh của khổ, tập trí.

Kệ nói: Bốn trí mười.

Giải thích: Trí thế tục, tha tâm trí, Tận trí, Vô sinh trí, bốn trí này duyên nơi mười trí làm cảnh.

Kệ nói: Chẳng phải một.

Giải thích: Chỉ một diệt là không duyên nơi trí làm cảnh, vì duyên nơi pháp vô vi làm cảnh.

Kệ nói: Nên pháp hợp có mười.

Giải thích: Vì cảnh của phân biệt trí, nên hợp với mười trí ở trong mười thứ pháp.

Những gì là mười pháp?

Kệ nói:

Pháp vô lưu ba cõi

Vô vi hai, hai thứ.

Giải thích: Pháp hữu vi chia làm tám thứ: Cõi Dục, cõi Sắc, cõi

Vô sắc, cõi vô lưu, vì sự khác biệt với tâm tương ứng, với tâm chẳng tương ứng. Vô vi được chia làm hai thứ, vì sự khác biệt giữa thiện và vô ký. Đây gọi là mười pháp.

Ở đây, làm thế nào? Trí nào duyên nơi bao nhiêu pháp làm cảnh?

Trong đây, trí thế tục duyên nơi tất cả mười pháp làm cảnh. Pháp trí duyên năm pháp làm cảnh: Cõi Dục cùng bốn pháp vô lưu, và pháp vô vi thiện. Loại trí duyên nơi bảy pháp làm cảnh: cõi Sắc, cõi Vô sắc và sáu pháp vô lưu cùng pháp vô vi thiện. Khổ trí, tập trí duyên nơi sáu pháp của cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc làm cảnh. Diệt trí chỉ duyên nơi một pháp vô vi thiện làm cảnh. Đạo trí duyên nơi hai pháp vô lưu làm cảnh. Tha tâm trí duyên nơi ba pháp làm cảnh: cõi Dục, cõi Sắc và pháp tương ứng vô lưu. Tận trí, Vô sinh trí duyên nơi pháp làm cảnh trừ pháp vô vi vô ký.

Do một trí có khả năng biết tất cả pháp không?

Không được. Dù không được, nhưng kệ nói:

Thế trí, trừ loại đầu

Một trí do vô ngã.

Giải thích: Trí thế tục, trừ tự loại nơi sát-na thứ nhất, tất cả pháp khác, do tướng vô ngã nên có thể lý giải. Nghĩa là tất cả pháp vô ngã, là tự thể và tự thể sinh chung các pháp, gọi là tự loại. Không thể duyên nơi pháp này. Có cảnh giới và cảnh giới có khác biệt, vì cùng một cảnh giới, vì đồng thời rất gần nên trí này, nếu là trí của cõi Dục thì có hai tuệ văn, tư. Nếu là trí của cõi Sắc thì chỉ có văn tuệ, không phải là tu tuệ. Tu tuệ duyên nơi địa riêng làm cảnh. Nghĩa này đã suy xét là nghĩa nay sẽ nói.

Người nào tương ứng với bao nhiêu trí?

Nếu là người phạm phu thì chỉ tương ứng với một trí thế tục. Nếu người phạm phu lìa dục tương ứng với tha tâm trí. Lại nữa, nếu Thánh nhân như

Kệ nói:

Một trí nên có dục

Niệm đầu nơi vô lưu.

Giải thích: Hoặc Thánh nhân chưa lìa dục, hoặc pháp trí Nhẫn mới sinh nơi sát-na đầu tiên thì tương ứng với một trí thế tục, vì Nhẫn không phải là trí.

Kệ nói: Thứ hai, ba tương ứng.

Giải thích: Nơi sát-na của khổ pháp trí, tương ứng với ba trí: Trí

thế tục, pháp trí, khổ trí.

Kệ nói: Đối với bốn trên, mỗi mỗi tăng.

Giải thích: Từ sát-na thứ tư trên sát-na thứ hai, nên biết, mỗi mỗi trí tăng. Sát-na nơi khổ loại trí, làm tăng trưởng khổ loại trí. Sát-na nơi tập, diệt, đạo, pháp trí làm tăng tập, diệt, đạo trí. Thế nên, ở đạo pháp trí tương ứng với bảy trí. Nếu người lìa dục nêu trước, nên biết tha tâm trí sẽ tăng, tương ứng trong tất cả phần vị.

Lại nữa, tu tập ở trong phần vị nào để đạt được trí, có bao nhiêu?

Kệ nói:

Như sinh chỗ đã tu

Nhẫn trí ở vị kiến, vị lai.

Giải thích: Hoặc Nhẫn, hoặc trí ở trong kiến đạo chính thức được sinh. Nhẫn, trí này là đồng loại, tu ở vị lai, là hành tướng của Nhẫn, trí ấy, có bốn thứ cũng được tu.

Ở trong kiến đạo vì sao chỉ tu trí đồng loại và hành tướng?

Vì chưa thông suốt các tánh khác.

Kệ nói:

Ở trong đó như vậy

Thế trí nơi ba loại.

Giải thích: Ở trong kiến đạo trí thế tục là chỗ tu nơi thời điểm của ba loại trí: khổ, tập, diệt, không phải là thời điểm của pháp trí. Vì không thể đối quán nơi tất cả đế, nên kệ nói: Gọi là đối quán hậu trí.

Giải thích: Thế nên, trí thế tục này được gọi là đối quán hậu trí. Ở mỗi một đế, vì là chỗ tu tập khi đối quán sau cùng.

Vì sao đối với đạo loại trí, không tu tập trí ấy?

Vì đạo này, trước kia do là đạo của thế gian chưa từng đối quán, vì đối quán không khắp. Vì sao? Vì tất cả khổ có thể được biết khắp. Tất cả tập có thể được diệt trừ khắp, tất cả diệt có thể được chứng viên mãn. Thế nên, không có đối quán sau, ở trong đó, không được tu đối quán nơi hậu trí.

Nếu vậy, vào thời điểm ấy, tất cả tập đều chưa diệt trừ, tập loại trí cũng không có đối quán sau, nên không được tu đối quán nơi hậu trí.

Nghĩa này không hợp lý. Vì sao? Vì diệt, tập là đối tượng thích ứng của kiến, tập đế, đều đã diệt tận. Đạo là đối trị nơi hoặc, là đối tượng được diệt của kiến đế, nên không thể tất cả đều tu khiến dứt hết. Vì do tánh nhiều, thế nên đạo có dị biệt.

Có sư khác nói: Vì do loại bạn của kiến đạo. Cách giải thích này không thể chấp nhận. Vì chứng cứ không thành tựu, nên đối quán nơi trí

thế tục sau, có lúc có thể khiến được hiện tiền không hoàn toàn, không lúc nào có thể khiến hiện tiền ở trước.

Thế này là sao?

Kệ nói: Vô sinh ấy là pháp.

Giải thích: Trí này ở nơi phần vi quán và xuất quán, hoàn toàn là pháp không sinh. Nếu nhập quán thì sẽ không thể sinh trí này, do mâu thuẫn. Nếu xuất quán, dĩ nhiên cũng không thể sinh trí này, vì do tâm thô.

Nếu vậy, ở đây làm sao có thể tu? Vì trước đây chưa từng được, nay mới được. Thời hiện nay làm sao đạt được? Nếu không thể khiến cho trí này sinh khởi nơi hiện tiền, thì do dẫn đến chứng đắc nên được. Nghĩa là do chứng đắc nên đạt được. Cách giải thích này chưa từng nghe. Thế nên, tu như vậy nhất định sẽ không thành.

Nếu chấp nhận như thế thì nghĩa tu sẽ được thành. Như sư trước đây nói: Thuyết kia nêu thế nào? Vì do công lực của pháp xuất thế, nên trí này đối quán nơi hậu trí, tức là đối tượng được tu.

Thế nào là người đã tu quán, về sau, xuất quán duyên nơi bốn đế làm cảnh, là trí thế gian tối thắng?

Trí thế gian tối thắng nay được hiện tiền, tức trí kia là tu. Tu như thế tức là dẫn đến chứng đắc. Nếu đắc có thể hiện tiền, thì trí kia sẽ nương dựa tương tục. Vì sao? Vì nếu đã được tánh rồi thì quả của tánh tất có thể đạt được.

Sư Tỳ-bà-sa không ưa tiếp nhận nghĩa này.

Lại nữa, trí thế tục ấy đã nương tựa bao nhiêu địa để tu?

Tùy thuộc nơi địa kiến đạo.

Kệ nói: Từ địa dưới.

Giải thích: Tùy thuộc nơi địa là chỗ nương dựa của kiến đạo. Hoặc tức nương dựa nơi địa này, hoặc dựa vào địa dưới của địa này để tu trí thế tục. Nếu là đạo, thì sẽ nương dựa nơi địa của định chưa đến để sinh, là chỗ tu nơi trí thế tục có hai địa: hoặc dựa vào địa của định chưa đến, hoặc y chỉ nơi địa của cõi Dục. Cho đến nếu là kiến đạo, thì trí này dựa nơi địa của định thứ tư để sinh chỗ tu nơi trí thế tục, hoặc đồng, hoặc kém.

Có bao nhiêu trí thế tục này thuộc về niệm xứ?

Kệ nói: Diệt sau.

Giải thích: Nếu quán diệt để trở về sau, thì chỗ đạt được trí thế tục, là thuộc về niệm xứ sau cuối. Nghĩa là pháp niệm xứ, do phán quyết về trí thế tục. Trí còn lại, nên biết, đều là bốn niệm xứ thâm tóm.

Quán ấy là trí thế tục sau.

Kệ nói: Chung với tướng của đế.

Giải thích: Tùy thuộc chỗ đạt được của chánh đối nơi quán đế, hành tướng của trí này, tức đồng với hành tướng của đế ấy. Do nói đồng hành tướng đối với quán, tức là đã nói trí này đồng với đế của đối tượng được duyên nơi quán kia. Trí này do kiến đạo đã đạt được.

Kệ nói: Dụng đặc.

Giải thích: Trí thế tục có hai thứ:

1. Tánh pháp đặc.
2. Tu tập đặc.

Do chấp nhận trí này cùng với đồng loại khởi bốn ấm, năm ấm ở cõi Dục, cõi Sắc làm tự tánh.

Kệ nói: Mười sáu, sáu có dục.

Giải thích: Chỗ tu ở đây gọi là lưu. Nếu là người chưa lìa dục, thì ở trong sát-na của đạo loại trí thứ mười sáu có hai trí tu nơi hiện tại, có sáu trí tu nơi vị lai. Nghĩa là pháp trí, loại trí, khổ, tập, diệt, đạo trí.

Kệ nói: Người lìa bảy dục.

Giải thích: Nếu người trước kia đã lìa dục, thì ở trong đạo loại trí, tha tâm trí là chỗ tu tập thứ bảy.

Kệ nói:

Có dục trong tu đạo

Tu bảy từ trên đây.

Giải thích: Từ sát-na thứ mười sáu trở lên ở trong tu đạo, cho đến khi chưa được lìa dục, tu bảy trí ở trong tất cả đạo gia hạnh, vô gián, giải thoát, tăng tiến. Nghĩa là pháp trí, loại trí, khổ, tập, diệt, đạo trí và trí thế tục. Nếu tu đạo thế gian, thì trí thế tục là tu hiện tại. Nếu tu đạo xuất thế, thì sẽ tùy theo một trong bốn thứ pháp trí, là tu nơi hiện tại. Còn lại là tu nơi vị lai.

Kệ nói:

Bảy địa, giải thông hơn

Được tu xen, không hoại

Ở nơi đạo vô gián.

Giải thích: Chỗ tu của bảy trí, ở đây gọi là lưu. Bảy địa là bốn định và ba Vô sắc. Vì buông bỏ, lìa dục, nên gọi là hơn. Ở nơi năm tuệ chung thông suốt khi tánh không hủy hoại. Nếu người Hữu học nơi quả vị định tu xen lẫn cùng biện luận. Trong tất cả đạo vô gián, thì tu bảy trí, như trước đã nói. Nếu tu đạo thế tục, thì trong hiện tại sẽ tu trí thế tục. Nếu tu đạo xuất thế, thì trong bốn thứ loại trí và hai thứ pháp trí tùy theo

một thứ để tu nơi hiện tại. Khi thông suốt tánh không hủy hoại, thì sẽ không tu trí thế tục, vì không phải là sự đối trị của cõi trời Hữu đẳng.

Trong đây nên biết, Tận trí là trí thứ bảy.

Kệ nói: Các đạo tám giải thoát, trên.

Giải thích: Từ trên bảy địa lìa dục, Hữu đẳng lìa dục, ở trong các tám đạo giải thoát tu bảy trí. Tức là pháp trí, loại trí, khổ, tập, diệt, đạo trí và tha tâm trí. Không tu trí thế tục, vì không phải là sự đối trị của cõi trời Hữu đẳng. Nếu hiện tại tu bốn thứ loại trí và tùy thuận tu một trí trong hai thứ pháp trí.

Kệ nói:

Học luyện căn, giải thoát

Sáu, bảy trí tu khác.

Giải thích: Nếu người Hữu học lúc tu luyện căn, tức ở trong đạo giải thoát. Nếu là người còn có dục, thì chỉ tu sáu trí. Nghĩa là pháp trí, loại trí, khổ, tập, diệt, đạo trí. Nếu người lìa dục thì tu bảy trí, lấy tha tâm trí làm trí thứ bảy.

Có sư khác nói: Trí thế tục đã được tu ở trong hai quả vị. Hai đạo ấy ở trong gia hạnh trước đã được tu trí thế tục.

Kệ nói: Đạo vô gián, sáu tu.

Giải thích: Người Hữu học nếu đã lìa dục hoặc chưa lìa dục, tu luyện căn trong đạo vô gián, chỉ tu sáu trí như trước, không được tu trí thế tục, vì giống với kiến đạo. Không được tu tha tâm trí, vì bị ngăn cấm tất cả đạo vô gián.

Thế nào là ngăn cấm? Vì không phải là sự đối trị nơi hoặc.

Kệ nói: Hữu đẳng hơn, cũng vậy.

Giải thích: Nếu khi Hữu đẳng lìa dục thì sẽ tu sáu trí như đây. Ở trong các đạo vô gián.

Kệ nói: Ở Tận trí, tu chín.

Giải thích: Nếu khi Hữu đẳng lìa dục là đạo giải thoát thứ chín, tức gọi là Tận trí. Trong đó tu chín trí trừ Vô sinh trí.

Kệ nói: Được không hoại, tu mười.

Giải thích: Nếu người nào vốn dùng pháp không hư hoại làm tánh, thì người ấy được tu mười trí trong phần vị của Tận trí, vì đã được Vô sinh trí.

Kệ nói: Luyện, giải thoát, không hoại.

Giải thích: Nếu người nào luyện căn đạt đến tánh không hủy hoại, thì người đó ở trong đạo giải thoát sau cùng, cũng được tu mười trí.

Kệ nói: Chỗ nói tu tám khác.

Giải thích: Khác là sao? Lúc lia dục nơi cõi Dục trong đạo giải thoát thứ chín, bảy địa lia dục với tuệ năm thông, hàng Hữu học tu xen lẫn trong định, tất cả đạo giải thoát. Vì thông suốt tánh không hủy hoại, nên trong đạo tám giải thoát, tất cả đạo gia hạnh và tăng tiến của người lia dục, được tu tám trí nơi vị lai trong tất cả đạo này, trừ Tận trí và Vô sinh trí. Nếu là Hữu học, thì phán quyết như vậy. Nếu với tuệ năm thông của người Vô học, tu xen lẫn định trong đạo giải thoát, đạo gia hạnh, đạo tăng tiến, hoặc tu chín trí, hoặc tu mười trí. Tuệ năm thông tu xen lẫn định trong đạo vô gián, hoặc tu tám trí, hoặc tu chín trí. Tuệ hai thông trong đạo giải thoát, vì do vô ký nên không tu nơi vị lai. Nếu người phạm phu nơi cõi Dục và ba định lia dục, trong đạo giải thoát sau cùng, dựa vào địa định, tu gia hạnh. Tuệ ba thông thấu tóm vô lượng công đức của đạo giải thoát. Vào thời điểm này, trí thế tục tu nơi vị lai, tha tâm trí cũng vậy. Trừ phần quyết trạch, có thể là loại bạn cho thiện căn của kiến đạo. Do vậy ở chỗ khác, khi được đạo chưa từng được, chính là trí thế tục tu nơi vị lai.

Lại nữa, ở trong đạo nào, chỗ tu tập trí, có bao nhiêu địa?

Về trí thế tục: Tùy thuộc ở địa là đối tượng được nương tựa của đạo. Địa này hoặc do đạo đạt được đầu tiên rời dùng địa này làm y chỉ để tu vị lai trí thế tục. Về đạo vô lưu: Không phải hoàn toàn tùy thuộc ở địa là chỗ nương tựa của đạo, để tu vị lai.

Sự kiện này thế nào?

Kệ nói:

*Vì dục địa này lia
Là được tu dưới ấy.*

Giải thích: Nếu là lia dục, thì địa này sẽ tu hai thứ đạo. Nghĩa là đạo gia hạnh v.v... tùy thuộc ở địa do lia dục là chỗ đạt được đầu tiên. Hoặc dùng địa này làm chỗ nương tựa, hoặc dùng địa dưới làm chỗ y chỉ. Tất cả trí vô lưu, nhất định là đối tượng được tu.

Kệ nói: Hữu lưu ở Tận trí.

Giải thích: Vào thời điểm Tận trí sinh, công đức của hữu lưu nơi tất cả địa cùng là chỗ Tận trí đã thích ứng được, đều là đối tượng tu tập. Nghĩa là quán bất tịnh, quán về hơi thở, niệm xứ, vô lượng, tám giải thoát v.v... Ví như sợi dây buộc bị đứt cùng lúc cứu người bị siết cổ tức thì được thông suốt hơi. Hơn nữa, người này tâm đã hết sức tự tại ở ngôi vị vua. Vì tất cả thiện căn đều đạt được nên đều dấy khởi sự ngênh đốn. Ví như có người được ngôi vị đại vương, do tài vật được dâng cúng gọi là sự ngênh đốn.

Tùy thuộc có sở đắc, đều là đối tượng được tu tập chăng? Trước kia, nếu chưa đạt được tức là chỗ tu tập.

Vì sao?

Kệ nói: Trước từng được, không tu.

Giải thích: Nếu pháp thoái chuyển đã trở lại đạt được thì đấy không phải đối tượng tu, vì chỗ tu đã bị lia bỏ, vì chỉ được gọi là tu tức phục hồi mọi thứ chưa tốt ráo chứ không phải chỉ là chưa đạt. Vì sao? Vì tu có bốn thứ:

1. Tu đắc.

2. Tu tập.

3. Tu đối trị.

4. Tu trị tịnh. Trong đây, kệ nói:

Tu đắc và tu tập Là tu hữu vi thiện

Đối trị, trị tu tịnh,

Tu các pháp hữu lưu.

Giải thích: Tu đắc tu tập: Tu tất cả các pháp thiện hữu vi. Ở nơi vị lai có một cách tu. Ở hiện tại có hai cách tu. Hai tu này dựa vào hai chánh cần trước để thành tựu: Chưa sinh khiến cho sinh, đã sinh rồi khiến cho tăng trưởng.

Tu đối trị, tu trị tịnh : Nghĩa là tu các pháp hữu lưu. Hai tu này nương tựa nơi hai chánh cần sau để thành tựu. Chưa sinh khiến cho chẳng sinh, đã sinh rồi thì khiến cho diệt.

Nếu vậy, pháp hữu lưu thiện thì có đủ bốn cách tu. Nếu pháp vô lưu, thì chỉ có hai cách tu trước. Nếu là pháp nhiễm ô và vô ký thì chỉ có hai cách tu sau?

Sư A-tỳ-đạt-ma ở Tây Trúc nói: Có sáu thứ tu: Bốn thứ tu đồng với trước. Thứ năm là thủ tu, thứ sáu là trạch tu. Thủ tu là sáu căn tu, trạch tu là thân tu. Như khế kinh nói: “Sáu căn này đã khéo đều phục, đã khéo tu”. Lại nữa, kinh nói: Ở trong thân có vật như thế, nghĩa là tóc, răng, móng, lông v.v... (nói rộng như kinh). Như vậy, đối với thân vì phân biệt lựa chọn, nên ái của chính mình không khởi. Sư nước Kế Tân nói: “Hai cách tu này hội nhập nơi chỗ thâm tóm của tu đối trị và tu trị tịnh”.

